



KHOA HỌC ĐỊA LÝ VIỆT NAM

VỚI CHUYỂN ĐỔI SỐ PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

TRONG BỐI CẢNH BIẾN ĐỔI TOÀN CẦU

VIETNAM GEOGRAPHY SCIENCE WITH DIGITAL TRANSFORMATION FOR
SUSTAINABLE DEVELOPMENT IN THE CONTEXT OF GLOBAL CHANGE

KỶ YẾU HỘI NGHỊ KHOA HỌC ĐỊA LÝ

TOÀN QUỐC LẦN THỨ XIV

Proceedings of the 14th National Scientific Conference on Geography
Thua Thien Hue, 13 - 14/07/2024

QUYỂN 1



NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

MỤC LỤC

ĐỊA LÝ TỰ NHIÊN, TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

1.	ĐỊNH HƯỚNG KHÔNG GIAN PHÁT TRIỂN KINH TẾ, QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN, BẢO ĐẢM QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH KHU VỰC QUẦN ĐẢO TRƯỜNG SA TRÊN CƠ SỞ PHÂN TÍCH CẢNH QUAN	1
	Nguyễn Đăng Hội, Nguyễn Cao Huân, Ngô Trung Dũng	
2.	ĐÁNH GIÁ GIÁ TRỊ TÀI NGUYÊN DU LỊCH DI SẢN ĐỊA CHẤT CỦA QUẦN THỂ ĐÁ ĐĨA TỈNH PHÚ YÊN	11
	Nguyễn Hữu Xuân, Nguyễn Thị Huyền, Nguyễn Trọng Đợi, Nguyễn Thị Ngân	
3.	CẬP NHẬT VỀ TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU Lũ QUÉT TRONG NƯỚC VÀ THẾ GIỚI: MỘT SỐ GỢI Ý TRONG GIÁM SÁT VÀ CẢNH BÁO Lũ QUÉT TRÊN CÁC LƯU VỰC NHỎ KHU VỰC MIỀN NÚI PHÍA BẮC VIỆT NAM ...	22
	Trần Thị Ngọc Hà, Kiều Quốc Lập, Ngô Văn Giới, Nguyễn Như Hạnh	
4.	HIỆN TRẠNG VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP CẢI THIỆN CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN THỦ ĐÔ HÀ NỘI ĐẾN NĂM 2030.....	30
	Lưu Thế Anh, Nguyễn Gia Cường, Đinh Thị Hoa	
5.	ĐÁNH GIÁ XÓI MÒN ĐẤT VÙNG BẮC TÂY NGUYÊN.....	41
	Nguyễn Văn Dũng	
6.	NGHIÊN CỨU ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP GIẢM THIỂU TỔN THƯƠNG HỆ SINH THÁI TẠI VƯỜN QUỐC GIA PÙ MẮT	46
	Nguyễn Văn Hồng, Vương Hồng Nhật, Lại Vĩnh Cẩm, Võ Công Tuấn Anh, Nguyễn Đức Thành, Trần Thị Nhung, Nguyễn Phương Thảo, Nguyễn Thị Thu Hiền	
7.	KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU HÀM LƯỢNG PB, AS, CD, HG TRONG NƯỚC MẮT TẠI TỈNH ĐỒNG THÁP.....	59
	Phùng Thái Dương, Phan Văn Tuấn	
8.	HỆ THỐNG ĐẢO Ở VIỆT NAM.....	66
	Trần Đức Thạnh, Đặng Hoài Nhơn, Bùi Văn Vượng, Nguyễn Văn Thảo, Nguyễn Thanh Sơn	
9.	ĐÁNH GIÁ MỘT SỐ TÁC ĐỘNG TỪ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO ĐẾN TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG: NGHIÊN CỨU ĐIỂN HÌNH TẠI TỈNH QUẢNG TRỊ, VIỆT NAM.....	79
	Phan Tuấn Anh , Nguyễn Đức Tùng	
10.	XÂY DỰNG BẢN ĐỒ SINH KHÍ HẬU NAM TRUNG BỘ, TỈ LỆ 1:250.000 PHỤC VỤ QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẢM BẢO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG.....	93
	Nguyễn Khanh Vân, Trần Văn Tuấn, Vương Văn Vũ, Vương Tấn Công	
11.	BƯỚC ĐẦU XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN PHÂN VÙNG CHỨC NĂNG KHÔNG GIAN BIỂN CẤP TỈNH CHO TỈNH QUẢNG NINH	103
	Nguyễn Ngọc Khánh, Nguyễn Thu Nhung, Đậu Thị Hòa, Hoàng Bắc, Nguyễn Mạnh Hà	
12.	CHARACTERISTICS OF SEDIMENT DISTRIBUTION ON TIDAL FLATS IN THE NORTHERN COAST OF VIETNAM	113
	Tong Si Son	

26.	NGHIÊN CỨU HIỆN TRẠNG THẨM THỰC VẬT KHU BẢO TỒN THIÊN NHIÊN KON CHUR RĂNG VÀ PHỤ CẬN PHỤC VỤ QUẢN LÝ VÀ BẢO VỆ RỪNG.....	244
	Hoàng Hồng Trang, Nguyễn Đăng Hội, Đặng Thị Ngọc	
27.	TIẾP CẬN BẢN TỰ ĐỘNG DỰA TRÊN GOOGLE EARTH ENGINE VÀ HỌC MÁY ĐỂ ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ NHẠY CẢM LŨ LỤT.....	256
	Hoàng Tích Phúc, Nguyễn Thị Thanh Thảo, Vũ Phương Lan, Nguyễn Hữu Duy, Nguyễn Phương Bắc, Vũ Văn Tích, Hà Minh Cường	
28.	ẢNH HƯỞNG CỦA GIÓ MÙA MÙA ĐÔNG ĐẾN MỘT SỐ CÂY TRỒNG TRONG BỐI CẢNH BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TẠI TỈNH PHÚ THỌ.....	265
	Bùi Thị Thanh Dung, Lê Mai Tuấn Ly	
29.	ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA ĐIỀU KIỆN SINH KHÍ HẬU ẢNH HƯỞNG TỚI SỨC KHOẺ CON NGƯỜI Ở ĐÔNG NAM BỘ QUA CHỈ SỐ CĂNG THẲNG TƯƠNG ĐỐI - RSI.....	274
	Hoàng Thị Kiều Oanh	
30.	NƯỚC DƯỚI ĐẤT TRONG CÁC THÀNH TẠO HOLOCEN VÀ PLEISTOCEN TỈNH THÁI BÌNH.....	282
	Đặng Xuân Phong, Nguyễn Sơn, Trương Phương Dung, Trịnh Ngọc Tuyển, Nguyễn Thị Thảo	
31.	ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ HẠN KHÍ TƯỢNG TỈNH PHÚ THỌ.....	292
	Hoàng Lưu Thu Thủy, Trần Thị Mùi, Vương Văn Vũ, Võ Trọng Hoàng, Phạm Thị Cúc, Tống Phúc Tuấn, Nguyễn Đức Thành, Lê Đức Hạnh	
32.	TỔNG QUAN VỀ BẤT BÌNH ĐẲNG KHÔNG GIAN XANH ĐÔ THỊ.....	300
	Dương Thị Vân Anh, Trần Thị Hà Vy, Trần Văn Trường	
	ĐỊA LÝ KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN	
	PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG	
33.	PROPOSING A SYSTEM OF PREDICTIVE RESEARCH METHODS FOR RIVERBED SAND AND GRAVEL RESOURCES.....	311
	Nguyen Thi Thu Hien, Nguyen Thanh Tuong, Nguyen Thi Hong Nụ, Bui Van Xuan, La Dương Hải, Do Quang Thien	
34.	LỰA CHỌN VÀ XÁC ĐỊNH TRỌNG SỐ CHO CÁC CHỈ THỊ TRONG ĐÁNH GIÁ TÍNH DỄ BỊ TỔN THƯƠNG ĐỐI VỚI CÂY LÚA TỈNH THANH HOÁ.....	319
	Trần Thị Mùi, Vương Văn Vũ, Võ Trọng Hoàng, Phạm Thị Cúc, Phạm Thị Lý, Tống Phúc Tuấn, Hoàng Lưu Thu Thủy	
35.	PHÁT TRIỂN CÂY BƯỚI THANH TRÀ Ở XÃ PHONG THU, HUYỆN PHONG ĐIỀN, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ.....	329
	Nguyễn Quyết Chiến	
36.	ĐẶC ĐIỂM CẢNH QUAN VÀ SỬ DỤNG ĐẤT LƯU VỰC SÔNG TRÀ KHÚC - SÔNG VỆ.....	339
	Dur Vũ Việt Quân, Phạm Minh Tâm, Phạm Viết Thành, Nguyễn Thị Thúy Hiền, Đỗ Thành Đạt, Nguyễn Cao Huân	
37.	PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ Ở MỘT SỐ QUỐC GIA TRÊN THẾ GIỚI VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM CHO VIỆT NAM.....	350
	Phạm Thị Trâm, Nguyễn Thu Nhung	

52.	THỰC TRẠNG VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH ĐƯỜNG SÔNG TỈNH BÌNH DƯƠNG.....	473
	Phan Văn Trung, Lê Thị Ngọc Anh	
53.	ĐẶC ĐIỂM PHÁT TRIỂN CỤC TĂNG TRƯỞNG Ở VIỆT NAM	483
	Lê Văn Trường, Nguyễn Quang Vinh	
54.	PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP XANH TRÊN BÌNH DIỆN CẤP TỈNH Ở VIỆT NAM (NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP Ở TỈNH LÀO CAI)	493
	Lê Mỹ Dung	
55.	TIỀM NĂNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH MẠO HIỂM VÙNG VEN BIỂN TỈNH BÌNH THUẬN.....	501
	Nguyễn Xuân Hòa	
56.	LƯU LƯỢNG GIAO THÔNG TẠI CÁC ĐÔ THỊ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THANH HÓA VÀ NHỮNG ẢNH HƯỞNG ĐẾN KINH TẾ - XÃ HỘI, MÔI TRƯỜNG	509
	Nguyễn Thị Ngọc	
57.	THÀNH TỰU PHÁT TRIỂN KINH TẾ CỦA TỈNH BÌNH DƯƠNG SAU 25 NĂM LIÊN KẾT VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG.....	517
	Nguyễn Thị Vân Anh	
58.	PHÁT TRIỂN KINH TẾ ĐÔ THỊ Ở THÀNH PHỐ THANH HOÁ THỜI KỲ 2016 - 2023.....	527
	Lê Văn Trường, Nguyễn Thị Thuý	
59.	NHỮNG YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN ĐỊA PHƯƠNG TRONG PHÁT TRIỂN DU LỊCH Ở BÁN ĐẢO CÀ MAU	535
	Phan Việt Đua, Nguyễn Trọng Nhân, Trương Trí Thông	
60.	MỘT SỐ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN KINH TẾ TUẦN HOÀN Ở TỈNH SƠN LA.....	539
	Đỗ Thị Mùi	
61.	KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VÀ BÀI HỌC CHO VIỆT NAM TRONG XÂY DỰNG NỀN KINH TẾ BIỂN XANH.....	547
	Nguyễn Đình Đáp	
62.	ĐÔ THỊ HÓA Ở NGHỆ AN: THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN	556
	Nguyễn Thị Hoài, Nguyễn Thị Trang Thanh ¹ , Hoàng Phan Hải Yến	
63.	GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN DU LỊCH THÔNG MINH GẮN VỚI VƯỜN CÂY ĂN TRÁI: TRƯỜNG HỢP XÃ LÂM SƠN (HUYỆN NINH SƠN, TỈNH NINH THUẬN)	566
	Ngô Thị Thu Trang, Hoàng Trọng Tuấn	
64.	ẢNH HƯỞNG CỦA CÁC NHÂN TỐ KINH TẾ - XÃ HỘI ĐẾN SỰ PHÂN BỐ VÀ PHÁT TRIỂN GIAO THÔNG VẬN TẢI NÔNG THÔN BỀN VỮNG Ở HUYỆN CẨM THỦY, TỈNH THANH HOÁ.....	577
	Nguyễn Thị Ngọc	
65.	SẢN XUẤT DONG RIỀNG TẠI XÃ NGUYỄN HUỆ, HUYỆN HÒA AN, TỈNH CAO BẰNG: CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC	586
	Nông Thị Vân Anh, Phạm Thị Ngọc Quỳnh	
66.	PHÁT TRIỂN DU LỊCH NÔNG NGHIỆP THEO HƯỚNG BỀN VỮNG TỈNH HÀ TĨNH	597
	Nguyễn Đình Tĩnh	

ĐÔ THỊ HÓA Ở NGHỆ AN: THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN

Nguyễn Thị Hoài¹, Nguyễn Thị Trang Thanh¹, Hoàng Phan Hải Yến¹

Abstracts

Urbanization in Nghe An province: current situation and development solutions

Nghe An is a province in the North Central region of Vietnam, where is the largest area in the country, the population ranks 4th out of 63 provinces and cities, the socio-economic has had positive changes, but the level and urbanization rate are low. Based on the analysis of the current situation, assessment of achieved results, shortcomings and limitations of urbanization in Nghe An, the article proposes a number of orientations and solutions to promote urbanization in the province to meet development requirements in the future and ensure sustainability.

Keywords: Urbanization, urban, Nghe An.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Đô thị hóa là xu thế tất yếu, thể hiện trình độ phát triển kinh tế - xã hội của một địa phương. Đồng thời có ảnh hưởng quan trọng trở lại đối với phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương đó. Ở cấp quốc gia, đô thị hóa được nghiên cứu dưới nhiều góc độ như lịch sử phát triển và đặc điểm đô thị hóa [9], thực trạng đô thị hóa và những vấn đề đặt ra [1,10], định hướng phân bố các vùng đô thị lớn, mạng lưới đô thị Việt Nam [11].

Nghệ An là tỉnh thuộc Bắc Trung Bộ, đô thị hóa của tỉnh có sự chuyển biến tích cực, nhưng trình độ còn thấp so với Bắc Trung Bộ và cả nước. Năm 2022, tỉ lệ dân thành thị của tỉnh là 15,5% và có 23 đô thị, bao gồm: 01 thành phố, 3 thị xã, 17 thị trấn và 02 thị tứ. Đô thị hóa ở Nghệ An được quan tâm nghiên cứu ở nhiều công trình về tiến trình, những vấn đề thực tiễn và giải pháp [4], đặc điểm đô thị hóa và khuyến nghị chính sách [7], quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị [5]. Phát triển đô thị hóa ở Nghệ An gắn với đô thị hóa của quốc gia, sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và khu vực. Do đó, cần thiết có sự cập nhật đánh giá trình độ đô thị hóa, phân tích những thành tựu, hạn chế và lý giải nguyên nhân, làm căn cứ để đề xuất định hướng và giải pháp thúc đẩy đô thị hóa của tỉnh đáp ứng yêu cầu phát triển trong tương lai và đảm bảo tính bền vững.

2. DỮ LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Để phục vụ cho việc nghiên cứu và đưa ra được kết quả nghiên cứu, dữ liệu được thu thập chủ yếu ở dạng thứ cấp, từ các tài liệu đã được công bố bởi các chuyên gia – nhà khoa học, các cơ quan chức năng (xem ở phần tài liệu tham khảo).

Để đảm bảo nội dung và kết quả nghiên cứu, một số phương pháp nghiên cứu chính được sử dụng bao gồm: thu thập tài liệu; tổng hợp, phân tích, so sánh; khảo sát thực tế, phỏng vấn tại địa bàn nghiên cứu là thành phố Vinh, thị xã Cửa Lò (đô thị du lịch biển), thị xã Thái Hòa, thị xã Hoàng Mai và một số thị trấn như Mường Xén, Con Cuông, Đô Lương, Kim Sơn, Quán Hành...

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

3.1. Thực trạng đô thị hóa

3.1.1. Quy mô, tốc độ gia tăng và tỉ lệ dân thành thị

Cùng với phát triển và hội nhập kinh tế - xã hội trong thời kỳ mới, đô thị hóa của Nghệ An diễn ra với sự gia tăng về số thị dân và tỉ lệ dân thành thị. Quy mô dân số thành thị của tỉnh tăng từ 375,4

¹ Trường Đại học Vinh

nghìn người năm 2010 lên 530,5 nghìn người năm 2022. Trung bình mỗi năm số dân thành thị của tỉnh tăng 12,9 nghìn người, tương đương (0,9%/năm). Sự gia tăng số dân thành thị chủ yếu do dân cư nông thôn di cư vào đô thị tìm việc làm và sinh sống; sự thay đổi ranh giới hành chính (từ xã trở thành thị trấn và phường).

So với Bắc Trung Bộ và cả nước, tốc độ đô thị hoá của Nghệ An còn chậm và ở trình độ thấp (xem chi tiết bảng 1). Giai đoạn 2010 – 2022, trung bình mỗi năm tỉ lệ dân thành thị của Nghệ An chỉ tăng hơn 0,2%, trong khi Bắc Trung Bộ tăng gần 0,8%, cả nước tăng 0,6% [8].

Đô thị hóa ở Nghệ An có sự khác nhau theo không gian: khu vực đồng bằng có số dân thành thị gấp gần 4 lần so với khu vực miền núi, chiếm 78,4% tổng dân số thành thị toàn tỉnh và có tỉ lệ dân thành thị cao hơn khu vực miền núi nhiều (xem chi tiết bảng 2). Nguyên nhân chính do sự thuận lợi về điều kiện cũng như trình độ phát triển kinh tế - xã hội của khu vực đồng bằng cao hơn khu vực miền núi rất nhiều. Năm 2022, thành phố Vinh có tỉ lệ dân thành thị thấp hơn nhiều so với 3 đô thị còn lại là do thành phố tiếp tục mở rộng địa giới hành chính, sáp nhập một số xã từ các huyện lân cận.

3.1.2. Đô thị hóa ở Nghệ An đang diễn ra theo cả chiều rộng và chiều sâu

Theo chiều rộng, đô thị hóa của tỉnh đang diễn ra gắn với việc gia tăng số lượng đô thị và mở rộng địa giới hành chính đô thị. Đến năm 2022, Nghệ An có 23 đô thị, tăng 03 đô thị so với năm 2010 là thị xã Hoàng Mai và 02 thị tứ. Các đô thị bao gồm: 01 thành phố (Vinh - đô thị loại I), 03 thị xã (Cửa Lò - đô thị loại III, 02 đô thị loại IV là Hoàng Mai, Thái Hòa); 17 thị trấn huyện lỵ - đô thị loại V là: Con Cuông, Diễn Châu, Yên Thành, Đô Lương, Hưng Nguyên, Nam Đàn, Nghĩa Đàn, Tân Kỳ, Anh Sơn, Thanh Chương, Quỳnh Hợp, Quán Hành (huyện Nghi Lộc), Cầu Giát (huyện Quỳnh Lưu), Thạch Giám (huyện Tương Dương), Mùng Xén (huyện Kỳ Sơn), Kim Sơn (huyện Quế Phong), Tân Lạc (huyện Quỳnh Châu) và 02 thị tứ là Sơn Hải (huyện Quỳnh Lưu) và Sông Dinh (huyện Quỳnh Hợp). So với năm 2010, tổng số phường/thị trấn tăng thêm 7 đơn vị, nâng tổng số phường/thị trấn lên thành 49, trong đó có 26 xã được chuyển đổi thành phường/thị trấn và 01 thị trấn được thành lập mới là thị trấn Nghĩa Đàn [3].

Thành phố Vinh được thành lập ngày 10/10/1963 theo Quyết định số 148 của Hội đồng Chính phủ. Sau 20 năm xây dựng và phát triển, ngày 13/8/1993, thành phố Vinh được công nhận là đô thị loại II. Đến ngày 05/9/2008, Vinh được Thủ tướng Chính phủ công nhận là đô thị loại I trực thuộc tỉnh Nghệ An. Giai đoạn 2009 – 2015, không gian đô thị của thành phố Vinh tiếp tục được mở rộng bằng việc sáp nhập thêm các xã: Nghi Ân, Nghi Đức, Nghi Kim, Nghi Liên (thuộc địa giới huyện Nghi Lộc) và xã Hưng Chính (thuộc huyện Hưng Nguyên) vào địa phận thành phố. Đến năm 2019, địa giới hành chính

Bảng 1. Số dân thành thị và tỉ lệ dân thành thị tỉnh Nghệ An trong tương quan với Bắc Trung Bộ và cả nước giai đoạn 2010 – 2022.

Năm	2010	2015	2020	2022
Số dân thành thị (nghìn người)	375,4	465,1	521,6	530,5
Tỉ lệ dân thành thị tỉnh Nghệ An (%)	12,8	14,7	15,5	15,5
Tỉ lệ dân thành thị cả nước (%)	29,7	33,1	35,0	37,2
Tỉ lệ dân thành thị Bắc Trung Bộ (%)	15,8	19,0	20,6	25,0

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2011 và năm 2022)

Bảng 2. Số dân thành thị và tỉ lệ dân thành thị chia theo khu vực và một số đô thị của tỉnh Nghệ An năm 2022

Chỉ tiêu	Số dân thành thị (nghìn người)	Tỉ lệ dân thành thị (%)
Lãnh thổ		
Toàn tỉnh	530,5	15,5
Khu vực đồng bằng	415,9	23,1
Khu vực miền núi	114,6	6,5
Thành phố Vinh	349,2	67,8
Thị xã Cửa Lò	57,7	100,0
Thị xã Thái Hòa	69,5	96,0
Thị xã Hoàng Mai	120,8	99,0

(Nguồn: Niên giám thống kê Nghệ An năm 2011 và năm 2022)

của thành phố Vinh lên tới 105 km², bao gồm 16 phường và 9 xã, dân số gần 350 nghìn người (chiếm 6,4% về diện tích và 10,2% về dân số của toàn tỉnh). Xác định vị trí quan trọng của tỉnh Nghệ An và thành phố Vinh trong sự phát triển của vùng Bắc Trung Bộ nói riêng và cả nước nói chung, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 827 ngày 12/6/2020, phê duyệt Đề án phát triển thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An thành trung tâm kinh tế, văn hóa vùng Bắc Trung Bộ. Đầu năm 2023, Chính phủ chấp thuận Đề án điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Vinh đến năm 2030, tầm nhìn 2050. Theo đề án, phương án điều chỉnh địa giới hành chính để mở rộng thành phố Vinh là điều chỉnh toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số hiện có của thị xã Cửa Lò và 4 xã Nghi Xuân, Phúc Thọ, Nghi Thái, Nghi Phong (huyện Nghi Lộc) về thành phố Vinh quản lý, nâng diện tích của thành phố lên thành 250 km².

Nhằm đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế gắn với phát huy lợi thế biển, năm 1994, thị xã Cửa Lò được thành lập với diện tích tự nhiên là 23,3 km², dân số xấp xỉ 40 nghìn người, cách trung tâm thành phố Vinh 16 km về phía đông bắc. Năm 2010, sáp nhập đất đai và dân cư của hai xã Nghi Hương và Nghi Thu thuộc huyện Nghi Lộc vào thị xã Cửa Lò, đưa diện tích tự nhiên của thị xã lên thành 27,8 km² với 7 đơn vị hành chính trực thuộc, bao gồm 5 phường: Nghi Hải, Nghi Hòa, Nghi Tân, Nghi Thủy, Thu Thủy và 2 xã: Nghi Hương, Nghi Thu. Ngày 30 tháng 9 năm 2010, chuyển 2 xã Nghi Hương và Nghi Thu thành 2 phường có tên tương ứng. Sau khi thành lập các phường cho đến hiện nay diện tích tự nhiên của thị xã Cửa Lò không thay đổi nhưng dân số tăng lên thành hơn 57,7 nghìn người.

Cùng với việc tăng cường phát triển về phía đông gắn với kinh tế biển, Nghệ An đồng thời đẩy nhanh tốc độ phát triển KT - XH của các huyện phía tây. Năm 2007, thị xã Thái Hòa được thành lập với diện tích tự nhiên hơn 135 km², dân số hơn 66 nghìn người (năm 2022, là 69,5 nghìn người) [3], có 9 đơn vị hành chính trực thuộc, gồm 4 phường (Hòa Hiếu, Long Sơn, Quang Phong, Quang Tiến) và 5 xã (Đông Hiếu, Nghĩa Mỹ, Nghĩa Thuận, Nghĩa Tiên, Tây Hiếu). Thị xã cách trung tâm tư Vinh 90 km về phía tây bắc.

Nhằm phát huy các lợi thế về tự nhiên cũng như kinh tế - xã hội ở khu vực phía Bắc và Đông Bắc của tỉnh, tạo sự kết nối Nam Thanh – Bắc Nghệ, năm 2013 thị xã Hoàng Mai được thành lập. Thị xã Hoàng Mai ra đời trên cơ sở điều chỉnh 169,7 km² diện tích tự nhiên và 105,1 nghìn nhân khẩu của huyện Quỳnh Lưu (năm 2022 là 120,8 nghìn người), bao gồm toàn bộ diện tích tự nhiên của thị trấn Hoàng Mai và các xã: Mai Hùng, Quỳnh Vinh, Quỳnh Lộc, Quỳnh Lập, Quỳnh Dị, Quỳnh Phương, Quỳnh Xuân, Quỳnh Trang.

Sau khi thành lập thị xã Hoàng Mai, thị trấn Hoàng Mai trở thành phường Hoàng Mai; chuyển các xã Quỳnh Dị, Mai Hùng, Quỳnh Phương, Quỳnh Xuân thành các phường có tên tương ứng. Như vậy, thị xã Hoàng Mai có 10 đơn vị hành chính trực thuộc gồm 5 phường nêu trên và 5 xã: Quỳnh Vinh, Quỳnh Lộc, Quỳnh Lập, Quỳnh Liên, Quỳnh Trang.

Cùng với 01 thành phố và 03 thị xã nêu trên, địa giới hành chính ở các thị trấn trên địa bàn tỉnh đều được mở rộng theo phương thức sáp nhập thêm một số làng, xã lân cận vào thị trấn, làm tăng số lượng dân cư.

Bên cạnh phát triển theo chiều rộng, đô thị hóa của tỉnh đồng thời cũng được chú trọng theo chiều sâu gắn với việc đẩy mạnh công nghiệp hóa – hiện đại hóa kinh tế; hiện đại hóa cơ sở hạ tầng, cảnh quan đô thị; nâng cao chất lượng, điều kiện sống cho thị dân; ...

Nghệ An có thành phố Vinh và vùng phụ cận (Cửa Lò; Nghi Lộc, Hưng Nguyên, Nam Đàn) là nơi đô hóa tập trung tương đối lớn, được xem là khu vực đô thị trung tâm của Bắc Trung Bộ, đóng vai trò quan trọng trong hệ thống đô thị của quốc gia. Về chất lượng đô thị: đến năm 2022, hệ thống đô thị tỉnh Nghệ An gồm 01 đô thị loại I (thành phố Vinh), 01 đô thị loại III (thị xã Cửa Lò), 02 đô thị loại IV (thị xã Hoàng Mai và thị xã Thái Hòa) và 19 đô thị loại V.

Nhìn chung, hệ thống đô thị trên địa bàn tỉnh trong thời gian qua đã và đang phát triển theo hướng hiện đại, đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội. Đến năm 2022, tổng chiều dài đường đô thị hiện tại của 4 đô thị (Vinh, Hoàng Mai, Thái Hòa, Cửa Lò) là 1.132 km; đã xây

dùng được 19 công trình đầu mối cấp nước sạch đô thị với tổng công suất thiết kế 114.000 m³/ngày đêm, công suất thực tế 86.320 m³/ngày đêm. Có 22/23 đô thị đã được đầu tư hệ thống cấp nước sạch tập trung. Tổng công suất cấp nước của các đô thị đạt 220.000 m³/ngày đêm. Tỷ lệ thu gom chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ các đô thị đạt 96,5%, tỷ lệ nước thải được thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn quy định lên 70%. Tỷ lệ khu công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý chất thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường là 100%. Các siêu thị, trung tâm thương mại tăng nhanh, chủ yếu tập trung tại thành phố Vinh và một số trung tâm huyện, thị xã như huyện Diễn Châu, huyện Con Cuông, thị xã Thái Hòa, thị xã Hoàng Mai. Khảo sát thực tế, chúng tôi thấy rằng một số đô thị làm tốt công tác phát triển đô thị, không gian đô thị được mở rộng, chất lượng kiến trúc, cảnh quan được nâng lên, bộ mặt đô thị ngày càng thay đổi, không gian tự nhiên được bảo vệ...

3.1.3. Phát triển kinh tế - xã hội của các đô thị chính ở Nghệ An mang chức năng và bản sắc riêng

Đô thị Vinh giữ vai trò trung tâm kinh tế, văn hoá khu vực Bắc Trung Bộ: là đầu tàu tăng trưởng, trung tâm đào tạo nguồn nhân lực, trung tâm công nghiệp, thương mại, dịch vụ, du lịch và đầu mối giao thông quan trọng của Bắc Trung Bộ, cả nước và quốc tế. Kinh tế thành phố Vinh tiếp tục tăng trưởng khá, tốc độ tăng trưởng năm 2022 đạt 9,02%; thu nhập bình quân đầu người tăng từ 22,2 triệu đồng (năm 2007) lên 120 triệu đồng (năm 2022); thu ngân sách thành phố năm 2022 đạt 3.538,8 tỷ đồng, cao nhất từ trước đến nay; cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng [1]. Thành phố đã sớm hoàn thành Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới; bước đầu hình thành các vùng kinh tế nông nghiệp công nghệ cao tại các khu vực ngoại thành. Đẩy mạnh các hoạt động quảng bá, thu hút đầu tư. Qua khảo sát thực tế, hạ tầng giao thông, cảng hàng không, giao thông đối nội, đối ngoại được nâng cấp; nhiều tuyến đường mới được xây dựng, tạo điều kiện phát triển kinh tế và mở rộng không gian đô thị. Các khu đô thị mới, các tòa chung cư, văn phòng, khách sạn cao tầng, siêu thị, các tổ hợp công trình nhiều chức năng... được hình thành, đã làm thay đổi bộ mặt thành phố nhanh chóng, mang dáng dấp một đô thị văn minh, hiện đại ở khu vực Bắc Trung Bộ

Các đô thị: thị xã Cửa Lò, Thái Hòa, Hoàng Mai là các trung tâm hành chính, kinh tế, văn hóa, du lịch, dịch vụ của khu vực và là trọng tâm phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Được thành lập vào năm 1994, từ một làng chài nghèo ven biển, phát huy lợi thế biển, nắm bắt thời cơ, Cửa Lò nhanh chóng trở thành đô thị du lịch biển đầu tiên của cả nước (năm 2014) và phát triển theo hướng du lịch biển xanh, sạch, đẹp, hiện đại và bền vững với phương châm “Du lịch Cửa Lò: Kỳ cương – Thương hiệu”, xóa bỏ tính mùa vụ, hướng đến du lịch 4 mùa. Toàn thị xã có 304 cơ sở lưu trú, có khả năng phục vụ 25.000 ngàn lượt khách lưu trú/ngày đêm; trong đó có 54 cơ sở lưu trú 1 – 5 sao đáp ứng hoạt động và tổ chức được các sự kiện mang tầm quốc tế. Thị xã đẩy mạnh công tác quảng bá; phát triển hạ tầng, nâng cao chất lượng phục vụ du lịch; chú trọng nâng cao trình độ dân trí, đào tạo nghề, giải quyết việc làm, tập huấn văn hóa ứng xử cho người dân, quan tâm công tác bảo vệ môi trường, cảnh quan khu du lịch, đảm bảo an ninh trật tự, an toàn xã hội, tăng cường công tác cứu hộ, cấp cứu biển.

Thị xã Thái Hòa ngày càng thể hiện vai trò là trung tâm kinh tế – xã hội của vùng Tây Bắc tỉnh Nghệ An. Giai đoạn 2008 - 2022, tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân đạt 8,16%/năm; cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, phù hợp với tiềm năng, lợi thế của địa phương, trong đó tỷ trọng ngành nông, lâm, thủy sản giảm từ 24,2% năm 2008 xuống còn 18,4% năm 2022, tỷ trọng ngành dịch vụ tăng từ 49,8% năm 2008 lên 57,5% năm 2022; tổng vốn đầu tư toàn xã hội tăng mạnh từ 280 tỷ đồng năm 2008 lên 3.880 tỷ đồng năm 2022, gấp 12,07 lần. Giá trị tăng thêm bình quân đầu người tăng từ 12,8 triệu đồng/người/năm 2008 lên 55,2 triệu đồng/người/năm 2022 [1,3]. Kết cấu hạ tầng được đầu tư, xây dựng khá đồng bộ; diện mạo, kiến trúc đô thị được bổ sung quy hoạch, phát triển xứng tầm. Thị xã thu hút được gần 50 dự án đầu tư với tổng vốn đăng ký khoảng 3.000 tỷ đồng, nhiều dự án hoạt động có hiệu quả cao như nhà máy may Hitex, nhà máy chế biến bột đá trắng của công ty cổ phần Nam Trung, trang trại bò sữa Vinamilk, các dự án khu trung tâm thương mại Đồng Lầy, khu

trung tâm thương mại Vincom... Thị xã Thái Hòa là đơn vị cấp huyện đầu tiên của tỉnh Nghệ An và Bắc Trung Bộ đạt chuẩn nông thôn mới.

Vai trò về cực tăng trưởng, trung tâm công nghiệp, đô thị động lực đang ngày càng rõ rệt ở thị xã Hoàng Mai. Tổng giá trị sản xuất tiếp tục duy trì trong top đầu của tỉnh, năm 2022 đạt hơn 20 nghìn tỉ đồng. Tốc độ tăng trưởng ở mức cao, bình quân giai đoạn 2015 – 2022 đạt 13%/năm. Tỷ trọng công nghiệp – xây dựng và dịch vụ chiếm 72,5%, giá trị tăng thêm bình quân đầu người đạt 72,4 triệu đồng/người. Hoàng Mai có thế mạnh về công nghiệp vật liệu xây dựng, có nhiều nhà máy sản xuất vật liệu xây dựng trên địa bàn như: nhà máy xi măng Hoàng Mai, nhà máy sản xuất bột đá trắng, gạch tuynel, gạch không nung của Vicem ở khu công nghiệp Đông Hồi... Thị xã cũng đang triển khai các dự án lớn như tổ hợp nhiệt điện Quỳnh Lập có vốn đầu tư trên 2 tỉ USD, dự án của tập đoàn tôn Hoa Sen tại khu công nghiệp Đông Hồi với tổng vốn đầu tư 7 nghìn tỉ đồng, dự án của tập đoàn may mặc Việt Nam tại xã Quỳnh Vinh... Mục tiêu đến năm 2025, Hoàng Mai đạt tiêu chí đô thị loại III.

Các đô thị là thị trấn huyện lỵ giữ vai trò là trung tâm hành chính, kinh tế, văn hóa,... của huyện. Ngoài ra, các đô thị mới (tương đương đô thị loại V) giữ vai trò theo trung tâm của từng vùng.

Các thị tứ là trung tâm kinh tế, văn hoá, dịch vụ cho xã hoặc cụm xã đóng vai trò đẩy mạnh quá trình đô thị hoá và xây dựng nông thôn mới.

3.2. Kết quả đạt được

Đô thị hóa ở Nghệ An đã làm thay đổi bộ mặt của tỉnh, đưa Nghệ An từng bước trở thành tỉnh khá, rút ngắn khoảng cách phát triển giữa địa phương với hai đầu cực phát triển của đất nước là Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh: góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tăng năng suất lao động, tạo thêm nhiều việc làm, tăng thu nhập cho lao động.

Đô thị hóa góp phần quan trọng tạo động lực thu hút đầu tư vào tỉnh với các dự án lớn. Đơn cử năm 2022, một số dự án trọng điểm được thực hiện trên địa bàn các đô thị tỉnh Nghệ An như [1]: dự án Goertek 1 của công ty trách nhiệm hữu hạn công nghiệp chính xác Goertek Vina với tổng mức đầu tư 7.475 tỷ đồng, thực hiện trong năm ước đạt 6.329,5 tỷ đồng; dự án Ju Teng với tổng mức đầu tư 4.627 tỷ đồng, thực hiện trong năm ước đạt 312 tỷ đồng; dự án Goertek 2 với tổng mức đầu tư 4.025 tỷ đồng, thực hiện trong năm ước đạt 356 tỷ đồng; dây chuyền sản xuất mỳ ăn

Bảng 3. Một số chỉ tiêu kinh tế - xã hội của tỉnh Nghệ An giai đoạn 2010 – 2022

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2010	2022
GRDP (giá thực tế)	Nghìn tỉ đồng	41,4	175,7
Tốc độ tăng trưởng kinh tế	%	10,4	9,1
Cơ cấu kinh tế	%	100	100
Nông – Lâm – Thủy sản	%	29,1	23,0
Công nghiệp – Xây dựng	%	24,5	30,4
Dịch vụ	%	41,3	41,8
Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	%	5,1	4,8
Năng suất lao động	Triệu đồng/lao động	52,5	64,1
GRDP/người	Triệu đồng/người	41,4	50,8

(Nguồn: Niên giám thống kê Nghệ An năm 2011 và năm 2022)

liền Omachi của Masan với tổng mức đầu tư 3.960,6 tỷ đồng, ước thực hiện đầu tư trong năm 160,3 tỷ đồng; khu công nghiệp Visip với tổng mức đầu tư 3.512,7 tỷ đồng, ước thực hiện trong năm đạt 146,8 tỷ đồng; dự án hạ tầng công nghiệp của công ty cổ phần WHA Industrial Zone Nghệ An với tổng mức đầu tư 2.056,6 tỷ đồng, ước thực hiện đầu tư trong năm đạt 233,7 tỷ đồng; trang trại chăn nuôi lợn tại Quỹ Hợp của công ty MNS Farm với tổng mức đầu tư 2.027 tỷ đồng, ước thực hiện đầu tư trong năm 40,7 tỷ đồng; dự án khu vui chơi giải trí Cửa Hội (giai đoạn 2) với tổng mức đầu tư 1.976,8 tỷ đồng, ước thực hiện trong năm 790,2 tỷ đồng; dự án Vinh Riverside với tổng mức đầu tư 1.500 tỷ đồng, ước

thực hiện trong năm 213,8 tỷ đồng; dự án khu đô thị Vinh Heritage với tổng mức đầu tư 1.450 tỷ đồng, ước thực hiện trong năm 367,7 tỷ đồng.

Một số dự án được đẩy nhanh tiến độ thực hiện trong năm 2022 như: đường ven biển từ Nghi Sơn (Thanh Hóa) đến Cửa Lò (Nghệ An); đường Mường Xén -Ta Đơ - Khe Kiền đoạn km7 - km26; nâng cấp, mở rộng quốc lộ 15 đoạn km301+500 - km315+700 và km327+600 - km330. Đẩy nhanh công tác giải phóng mặt bằng các dự án: đường ven biển từ Nghi Sơn (Thanh Hóa) - Cửa Lò (Nghệ An) - đoạn km7 - km76; đường nối quốc lộ 7C - đường Hồ Chí Minh. Cơ bản bàn giao mặt bằng dự án đường bộ cao tốc Bắc Nam phía đông đoạn qua tỉnh Nghệ An theo tiến độ chỉ đạo của Bộ Giao thông Vận tải.

Đô thị hóa kéo theo sự phát triển nhanh về giáo dục, nâng cao trình độ dân trí, y tế, văn hóa...; Giảm thiểu di dân đi các vùng đô thị khác trong cả nước, giữ chân, thu hút sinh viên sau khi tốt nghiệp ở các thành phố lớn về làm việc, do trình độ phát triển cũng như dịch vụ được cải thiện. Đô thị hóa đã mang lại cho các địa phương trong việc tạo ra nhiều cơ hội việc làm, phát triển hạ tầng và cải tiến công nghệ của nền sản xuất, hệ thống giao thông được cải thiện, nâng cấp hệ thống giáo dục và y tế. Nhìn chung, việc đô thị hóa đã rút ngắn khoảng cách giữa đô thị và nông thôn, mang đến cho người dân cuộc sống thuận tiện, hiện đại hơn.

3.3. Một số vấn đề đặt ra

Bên cạnh những kết quả đạt được, đô thị hóa ở Nghệ An còn những tồn tại cần quan tâm giải quyết như:

Trình độ đô thị hóa thấp, tốc độ đô thị hóa chậm và không đồng đều, chất lượng đô thị chưa đáp ứng yêu cầu phát triển, nhiều chỉ tiêu của hệ thống đô thị Nghệ An chưa đạt mức trung bình của cả nước.

Kết nối hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội chưa đồng bộ; tốc độ xây dựng cơ sở hạ tầng ở phần lớn đô thị Nghệ An đều chậm so với phát triển kinh tế, xã hội. Tình trạng xây dựng chung cư “giảm” trong các khu dân cư khá phổ biến, gây quá tải về cơ sở hạ tầng. Bộ mặt kiến trúc cảnh quan đô thị còn lộn xộn, thiếu thẩm mỹ.

Tình trạng đô thị “treo” khá phổ biến ở các địa phương: đô thị Yên Lý, Diễn Yên (huyện Diễn Châu), đô thị Văn Tụ (huyện Yên Thành), các thị tứ ở miền tây của tỉnh như ở các huyện Quỳnh Hợp, Quỳnh Châu, Tương Dương, Kỳ Sơn đã được công bố quy hoạch nhưng vẫn chưa được đầu tư theo quy hoạch vì thiếu kinh phí, nhất là cơ sở hạ tầng đô thị; chưa được cắm mốc lộ dưới, chỉ giới xây dựng.

Sự di cư tự do với số lượng lớn từ nông thôn vào đô thị (nhất là thành phố Vinh) gây nên tình trạng tập trung dân cư quá mức ở khu vực trung tâm, hệ lụy là tắc đường, khan hiếm nhà ở, nạn thất nghiệp cục bộ ở đô thị; việc thu gom, xử lý chất thải, điều kiện vệ sinh môi trường trở nên khó giải quyết; việc tiếp cận và sử dụng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe cộng đồng cũng khó khăn.

Đô thị hóa ở Nghệ An cũng đang vướng phải vấn đề như các địa phương khác, đó là đô thị hóa tiếp cận theo hướng “đô thị mới”, có nghĩa hướng tới các dự án bất động sản cao cấp và mang tính quy ước, thay vì dựa trên một chiến lược đô thị tổng hợp với các nhân tố chính là nhu cầu thị trường và các chi phí, lợi ích lâu dài. Bán đất thường là một trong những nguồn thu lớn nhất của các tỉnh và việc mở rộng ranh giới hành chính và đất đai đô thị có thể giúp một thành phố được nâng loại đô thị trong hệ thống phân loại của nhà nước. Điều này trước mắt có thể giúp cho quá trình đô thị hóa được đẩy nhanh, nhưng về dài hạn, nếu quá phụ thuộc vào cách tiếp cận này sẽ tạo cho nền kinh tế tỉnh nhà bị phụ thuộc vào nguồn thu không bền vững, có thể tạo ra sự thiếu hụt khi không còn quỹ đất để đầu giá.

Bên cạnh đó, Nghệ An cần đẩy nhanh việc đào tạo nguồn nhân lực để tương xứng với tốc độ đô thị hóa.

Vấn đề đặt ra là làm thế nào để giải quyết những bất cập xảy ra trong đô thị hóa, sát thực tế của từng địa phương, phù hợp với vùng miền để đưa Nghệ An phát triển bền vững.

3.4. Định hướng và giải pháp phát triển

3.4.1. Định hướng phát triển

Mục tiêu chung đến năm 2030 của Nghệ An là đẩy nhanh tốc độ và nâng cao chất lượng đô thị hóa, phát triển đô thị bền vững, có kiến trúc hiện đại, xanh, giàu bản sắc văn hóa xứ Nghệ; hình thành một số đô thị, chuỗi đô thị động lực, thông minh kết nối với hệ thống đô thị trong khu vực và quốc gia.

Các định hướng được đưa ra nhằm phấn đấu tỷ lệ đô hóa của tỉnh đạt mức trung bình thấp của cả nước, dự kiến đến năm 2025 đạt tỷ lệ đô thị hóa khoảng 34-36% (tỷ lệ đô thị hóa cả nước dự kiến đạt 45%), đến năm 2030 đạt khoảng 40 - 45% (tỷ lệ đô thị hóa cả nước dự kiến khoảng 50%), tầm nhìn đến năm 2050 đạt khoảng 50% (tỷ lệ đô thị hóa cả nước dự kiến khoảng 60%) [5]. Cụ thể:

Nâng tỷ lệ đô thị hóa tương đương tỷ lệ trung bình thấp của cả nước theo hướng nâng cấp một số đơn vị hành chính cấp huyện thành đơn vị hành chính cấp đô thị (thị xã hoặc thành phố).

Theo đó, định hướng phát triển vùng đô thị hóa diện rộng theo hành lang ven biển, gắn với các trục giao thông phát triển như: quốc lộ 1, đường cao tốc Bắc Nam, đường ven biển, gắn với các đơn vị hành chính như thành phố Vinh, thị xã Cửa Lò, huyện Hưng Nguyên, huyện Nam Đàn, huyện Nghi Lộc, huyện Diễn Châu, huyện Yên Thành, huyện Quỳnh Lưu và thị xã Hoàng Mai. Vùng đô thị hóa không phát triển lan tỏa, liên tục, được giới hạn bởi các không gian xanh tự nhiên như các dãy núi, các tuyến sông. Hình thành các trục đô thị hóa trọng tâm như trục Vinh – Cửa Lò; Yên Thành – Diễn Châu; Cầu Giát – Hoàng Mai. Trong đó, đảm bảo các tuyến giao thông đối ngoại, đường tránh, cao tốc để giao thông Bắc Nam được lưu thông thuận lợi. Để phát triển vùng đô thị hóa ven biển cần phát triển hệ thống đô thị dịch vụ ven biển gắn với dự án đường ven biển và phát triển đô thị công nghiệp gắn với hành lang giữa quốc lộ 1A và đường cao tốc.

Phát triển các vùng đô thị hóa trung tâm phía Tây Nam gắn với các huyện Đô Lương, Thanh Chương, Anh Sơn, Tân Kỳ, trong đó tiếp tục định hướng phát triển đô thị hóa mở rộng đô thị Đô Lương thành đô thị trọng tâm của vùng trong giai đoạn trước mắt, đồng thời đô thị hóa mở rộng các đô thị huyện lỵ để phát triển tập trung dân cư, đô thị hóa các xã có dân cư tập trung cao thành các đô thị đạt tiêu chí đô thị loại V.

Phát triển vùng đô thị hóa phía Tây Bắc gắn với các đơn vị hành chính gồm: thị xã Thái Hòa, huyện Nghĩa Đàn, huyện Quỳnh Hợp, trong đó tiếp tục phát triển đô thị hóa mở rộng thị xã Thái Hòa thành đô thị dịch vụ hỗ trợ sản xuất công nghiệp khai thác khoáng sản, công nghiệp chế biến, nông nghiệp công nghệ cao, đô thị hóa mở rộng các đô thị huyện lỵ để phát triển tập trung dân cư, đô thị hóa các xã có dân cư tập trung cao thành các đô thị đạt tiêu chí đô thị loại V.

Phát triển mở rộng đô thị hóa gắn với sản xuất và dịch vụ: kết hợp tập trung phát triển các ngành kinh tế trọng điểm như sản xuất công nghiệp, dịch vụ chất lượng cao, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, thu hút phát triển các dự án trọng điểm làm động lực với ưu tiên phát triển hệ thống đô thị, dịch vụ gắn với chỉ tiêu đô thị hóa; phát triển hệ thống các đô thị huyện lỵ tại các huyện phía Tây thành các đô thị hành chính dịch vụ, hỗ trợ đổi mới hoạt động thương mại, du lịch, sản xuất nông nghiệp và bảo vệ rừng của các huyện miền núi phía Tây; cải tạo nâng cấp các tuyến quốc lộ 7, quốc lộ 48, đường ven biển giới (tỉnh lộ 1) tạo nên hành lang phát triển kinh tế - xã hội cho các huyện miền núi phía Tây. Từng bước thu hút dân cư phân tán tập trung về các đô thị huyện lỵ để mở rộng đô thị hóa và tạo điều kiện tiếp cận dịch vụ, hạ tầng kinh tế - xã hội được thuận lợi, gắn với phát triển các mô hình kinh tế mới, các sản phẩm đặc thù để bố trí phát triển các dự án dịch vụ hỗ trợ.

Phát triển đồng thời mô hình phát triển đô thị trọng điểm làm mũi nhọn và đô thị hóa theo mạng lưới để phát triển công bằng và bền vững cho các khu vực kinh tế - xã hội và các vùng địa bàn khác nhau của tỉnh Nghệ An. Phát triển các đô thị trọng tâm làm động lực thúc đẩy phát triển kinh tế vùng

liên huyện; phát triển mạng lưới đô thị theo tầng bậc để tạo sự tiếp cận thuận lợi cho người dân; phát triển tích hợp để tối ưu hóa tiềm năng và điều kiện nguồn lực; phát triển các đô thị đổi mới sáng tạo để hỗ trợ chuyển đổi kinh tế.

Đô thị hóa cần chú trọng theo mô hình đô thị hóa tập trung để nâng cao hiệu quả đầu tư cơ sở hạ tầng, sử dụng đất hiệu quả, gắn với các dự án động lực như hạ tầng giao thông, cảng biển, dự án sản xuất công nghiệp dịch vụ, thương mại du lịch để tạo nên các đô thị hoàn chỉnh, có chất lượng sống cao, thu hút hấp dẫn người dân và lao động.

- Tổ chức không gian các đô thị đặc biệt quan tâm đến các yếu tố tự nhiên hiện trạng như đặc điểm địa hình đồi núi, sông hồ, đặc điểm khí hậu địa phương, ứng phó với các vấn đề tai biến môi trường, đặc biệt phải bảo tồn phát huy được các giá trị hiện trạng, bảo vệ các cấu trúc làng xóm nông thôn hiện hữu.

3.4.2. Giải pháp

Để đạt được mục tiêu đề ra về đô thị hóa, Nghệ An cần thực hiện đồng bộ các giải pháp sau:

a. *Quy hoạch và quản lý phát triển đô thị:* Với một địa phương có 83% diện tích là đồi núi như Nghệ An thì việc cân đối, bố trí các thị trấn, thị tứ phù hợp với địa hình của địa phương cần phải được cân nhắc kỹ, tránh tạo ra các cực phát triển mất cân bằng giữa các khu vực trong tỉnh. Do đó, tỉnh cần thực hiện quy hoạch đô thị chọn lọc trên cơ sở khảo sát kỹ lưỡng, khoa học, phù hợp với tính chất theo khu vực địa lý của tỉnh, có sự tham gia của nhiều bên và mang tính chiến lược. Đặc biệt là sự tham gia của cộng đồng dân cư địa phương.

Quy hoạch đô thị đảm bảo sự quản lý, kiểm soát chặt chẽ theo đúng quy hoạch, kế hoạch cụ thể để phát triển hợp lý, bền vững góp phần hữu hiệu trong việc phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương, cụ thể:

- Kiểm soát quá trình phát triển đô thị theo quy hoạch phát triển đô thị, phù hợp quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng; quy hoạch tỉnh đã được phê duyệt.

- Phát triển và phân bố hợp lý trên địa bàn, tạo ra sự phát triển cân đối giữa các khu vực. Coi trọng mối liên kết đô thị - nông thôn, nâng cao chất lượng đô thị, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống. Đô thị hóa phải đảm bảo hạ tầng kỹ thuật đáp ứng các chỉ tiêu phát triển đô thị. Trong từng khu vực, địa phương phải cân đối việc cung cấp năng lượng, cấp nước, giao thông, thông tin và truyền thông, thoát nước mặt, nước bẩn, vệ sinh môi trường, đáp ứng yêu cầu và mức độ phát triển của vùng và của đô thị.

- Xây dựng lộ trình thích hợp để mở rộng ranh giới các đô thị, nâng hạng đô thị, sau khi đã tiến hành xây dựng, nâng cấp chất lượng hạ tầng đô thị tại các khu ở nông thôn giáp cận với ranh giới đô thị.

- Phát triển đô thị thông minh, đô thị động lực: tập trung xây dựng đô thị, hành lang đô thị, dải đô thị ven biển trên cơ sở xác định rõ vai trò, chức năng của từng đô thị, nhất là các đô thị động lực của từng vùng và cả tỉnh, đô thị kết nối các tỉnh lân cận; rà soát điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thành phố Vinh; quy hoạch các đô thị Hoàng Mai, Thái Hòa theo hướng mở rộng đô thị; hoàn thành việc lập quy hoạch xây dựng vùng huyện Diễn Châu, Đô Lương, Con Cuông theo hướng hình thành đô thị động lực làm cơ sở cho công tác quản lý, đầu tư phát triển...

b. *Xây dựng và ban hành cơ chế, chính sách:* Tỉnh xây dựng và ban hành cơ chế đặc thù để thúc đẩy sự phát triển của các đô thị có tính động lực vùng, trọng điểm kinh tế; Hỗ trợ các địa phương thực hiện nhanh công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ, tái định cư đối với khu đô thị mới, các khu chức năng để thúc đẩy nhanh quá trình thu hồi đất, bàn giao đất triển khai dự án đầu tư, phát triển; xây dựng cơ chế, chính sách kêu gọi nhà đầu tư đầu tư chiến lược về phát triển đô thị bền vững, đô thị xanh, đô thị thông minh.

Hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách, nhằm huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng đô thị đồng bộ, hiện đại, tạo động lực thúc đẩy kinh tế khu vực đô thị

phát triển nhanh và bền vững; nâng cao chất lượng sống, đáp ứng cơ bản nhu cầu về nhà ở và hạ tầng xã hội cho dân cư đô thị.

Nghiên cứu xây dựng chính sách hỗ trợ phát triển các khu công nghiệp, đô thị dịch vụ gắn với vùng định hướng phát triển đô thị trên toàn tỉnh. Rà soát, hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật, tạo hành lang pháp lý thuận lợi, tháo gỡ những “điểm nghẽn” cho hoạt động thu hút đầu tư phát triển, quản lý đất đai, đầu tư, quy hoạch, phát triển đô thị, kiến trúc, xây dựng bảo đảm tính minh bạch, thống nhất, từng bước loại bỏ các mâu thuẫn, chồng chéo, vướng mắc về pháp lý trong quá trình tổ chức thực hiện...

Xây dựng và thực hiện đồng bộ các cơ chế, chính sách để phát triển đô thị Vinh, thị xã Hoàng Mai, thị xã Thái Hòa và các đô thị trung tâm vùng trở thành các đô thị hiện đại, thông minh, dẫn dắt và tạo hiệu ứng lan toả, liên kết vùng đô thị. Sử dụng các công cụ quy hoạch đô thị, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và các công cụ thị trường khác để điều tiết, kiểm soát chặt chẽ sự gia tăng dân số đô thị, nhất là tại các đô thị lớn của tỉnh.

c. Phát triển kinh tế: Đô thị hóa gắn với phát triển kinh tế - xã hội, muốn đẩy nhanh tốc độ đô thị hóa, đảm bảo phát triển bền vững, cần phải thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội gắn với phát huy lợi thế, điều kiện và trình độ phát triển của từng đô thị. Trong đó, chú trọng chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại, tạo ra năng suất lao động cao, nhiều việc làm; đầu tư có trọng điểm các ngành kinh tế có lợi thế, hình thành các lãnh thổ động lực có sức hút đầu tư và sự lan tỏa; tạo sự liên kết phát triển giữa các ngành, các thành phần và các lãnh thổ kinh tế...

d. Huy động vốn đầu tư và phát triển cơ sở hạ tầng: Huy động vốn bằng nhiều nguồn khác nhau để thực hiện đô thị hóa: trên cơ sở quy hoạch đô thị được lập, tinh huy động nguồn lực xã hội hóa vào thực hiện đô thị hóa, ưu tiên cho những dự án đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật, giáo dục, y tế.

Xây dựng và triển khai hiệu quả các đề án tạo động lực để huy động vốn đầu tư, huy động nguồn lực cho vùng Vinh, Hoàng Mai, Thái Hòa, Diễn Châu, Đô Lương...; chương trình về phát triển đô thị ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai, dịch bệnh; cải tạo, chỉnh trang, tái thiết và nâng cấp đô thị; xây dựng và phát triển các đô thị thông minh; xây dựng nông thôn mới phù hợp với định hướng đô thị hoá.

Phát triển hạ tầng tương xứng với quy mô dân số trong đô thị: khắc phục triệt để tình trạng ngập nước trên diện rộng ở thành phố Vinh, quá tải ở bệnh viện, trường học ...

e. Đào tạo nhân lực: Chất lượng nguồn nhân lực chính là chất lượng của đô thị. Để đảm bảo nhân lực cho đô thị hóa, tinh cần tập trung vào hai hướng chính là đào tạo nâng cao chất lượng, sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực nhân lực tại chỗ và thu hút nhân lực có chất lượng.

Ưu tiên trọng tâm đối với hướng thứ nhất: cần rà soát, dự báo nhu cầu nhân lực về số lượng, chất lượng, cơ cấu ngành nghề, vị trí việc làm, từ đó có chiến lược hướng nghiệp, đào tạo và sử dụng phù hợp phù hợp với nhu cầu nhân lực của tỉnh. Trong đó chú ý đến chính sách giữ chân nhân lực chất lượng cao, tránh hiện tượng “chảy máu chất xám”.

4. KẾT LUẬN

Đô thị hóa là tất yếu trong tiến trình hội nhập và phát triển kinh tế. Kinh tế Nghệ An đã có nhiều khởi sắc, làm cho đô thị hóa gắn với phát triển kinh tế - xã hội và ngược lại đô thị hóa có nhiều tác động tích cực đến phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Tuy nhiên, trình độ đô thị hóa của tỉnh còn thấp, tốc độ đô thị hóa chậm và nhiều vấn đề đặt ra trong phát triển đô thị. Để nâng cao trình độ đô thị hóa, ít nhất bằng mức trung bình chung của cả nước, đảm bảo phát triển bền vững đòi hỏi phải thực hiện hiệu quả, đồng bộ nhiều giải pháp, trong đó chú trọng đến các giải pháp về quy hoạch, cơ chế, chính sách, kinh tế, vốn đầu tư, phát triển hạ tầng và nhân lực.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2010), Lao động và tiếp cận việc làm : Thị trường lao động, việc làm và đô thị hóa ở Việt Nam đến 2020. Dự án hỗ trợ xây dựng chiến lược phát triển KT-XH Việt Nam thời kỳ 2011-2020.
2. Cục thống kê tỉnh Nghệ An (2022), *Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng 12 và năm 2022 tỉnh Nghệ An*.
3. Cục thống kê tỉnh Nghệ An, *Niên giám thống kê Nghệ An các năm 2011, 2022*.
4. Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An (2016), Hội thảo khoa học về "Quá trình đô thị hóa ở Nghệ An những vấn đề thực tiễn và giải pháp phát triển."
5. Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An (2022), *Kế hoạch 360/KH-UBND triển khai thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị*.
6. Nguyễn Thị Kim Sang và cộng sự (2023), *Đặc điểm của quá trình đô thị hóa ở tỉnh Nghệ An trong ba thập kỷ qua*. Tạp chí Khoa học Xã hội và Nhân văn, Tập 9, số 1, trang 78-89.
7. Vương Thị Bích Thủy, *Đô thị hóa ở Nghệ An – kết quả và khuyến nghị chính sách*. Đặc san Khoa học và Công nghệ Nghệ An, số 10/2022.
8. Tổng cục Thống kê, *Niên giám thống kê Việt Nam các năm 2011, 2016, 2022*. Nhà xuất bản thống kê.
9. Lê Thông (chủ biên), 2011, *Địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam*. NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
10. Ngân hàng thế giới (2011), *Đánh giá đô thị hóa ở Việt Nam*. Báo cáo hỗ trợ kỹ thuật.
11. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2023), *Nghị quyết số 81/2023/QH15 về quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050*.

3.1. Cơ sở lý luận và thực tiễn

3.1.1. Khái niệm

Trong bài viết "Đô thị hóa ở Việt Nam" (Nguyễn Thị Kim Sang, 2023), tác giả đã phân tích quá trình đô thị hóa ở Việt Nam từ những năm đầu thế kỷ 20 đến nay. Tác giả cho rằng, đô thị hóa là quá trình chuyển đổi từ nông thôn sang đô thị, bao gồm cả sự gia tăng dân số đô thị và sự thay đổi về cấu trúc kinh tế - xã hội. Đô thị hóa là một quá trình tất yếu, không thể tránh khỏi, và nó đã diễn ra ở hầu hết các quốc gia trên thế giới.

Theo Lê Quang Đăng (2019), "Đô thị hóa là quá trình chuyển đổi từ nông thôn sang đô thị, bao gồm cả sự gia tăng dân số đô thị và sự thay đổi về cấu trúc kinh tế - xã hội". Tác giả cũng cho rằng, đô thị hóa là một quá trình tất yếu, không thể tránh khỏi, và nó đã diễn ra ở hầu hết các quốc gia trên thế giới.

Việc xây dựng một thành phố mới là một quá trình phức tạp, đòi hỏi sự tham gia của nhiều bên liên quan, bao gồm chính quyền, doanh nghiệp và người dân. Việc xây dựng một thành phố mới không chỉ là việc xây dựng các công trình kiến trúc, mà còn là việc xây dựng một cộng đồng, một văn hóa và một lối sống mới.

3.1.2. Các loại hình đô thị

Đô thị là một khái niệm rộng, bao gồm nhiều loại hình đô thị khác nhau. Theo Nguyễn Thị Kim Sang (2023), đô thị có thể được chia thành hai loại hình chính: đô thị truyền thống và đô thị hiện đại. Đô thị truyền thống là những đô thị có lịch sử lâu đời, với kiến trúc và văn hóa đặc trưng. Đô thị hiện đại là những đô thị được xây dựng mới, với kiến trúc và văn hóa hiện đại. Ngoài ra, còn có những đô thị hỗn hợp, vừa có nét truyền thống, vừa có nét hiện đại.

NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN
Tầng 11, D29 Phạm Văn Bạch, Yên Hòa, Cầu Giấy Hà Nội.
Điện thoại: 024 2214 7815
Chi nhánh: 143 Pasteur, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh
ĐT: (08) 39106962

KHOA HỌC ĐỊA LÝ VIỆT NAM
VỚI CHUYỂN ĐỔI SỐ PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG
TRONG BỐI CẢNH BIẾN ĐỔI TOÀN CẦU

VIETNAM GEOGRAPHY SCIENCE WITH DIGITAL TRANSFORMATION FOR
SUSTAINABLE DEVELOPMENT IN THE CONTEXT OF GLOBAL CHANGE

KỶ YẾU HỘI NGHỊ KHOA HỌC ĐỊA LÝ TOÀN QUỐC
LẦN THỨ XIV

Proceedings of the 14th national conference on geography science

QUYỂN 1

Chịu trách nhiệm xuất bản:
GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP
LÊ THANH HÀ

Biên tập:
NGUYỄN ĐỨC GIA

Thiết kế bìa:
HOÀNG BẮC
NGUYỄN ĐĂNG ĐỘ

Trình bày:
HOÀNG BẮC

Sửa bản in:
BAN BIÊN TẬP

KHOA HỌC ĐỊA LÝ VIỆT NAM
VỚI CHUYỂN ĐỔI SỐ THỰC TẾ TRÊN BỀN VỮNG
TRONG BỐI CẢNH BIẾN ĐỔI TOÀN CẦU
VIETNAM GEOGRAPHY SCIENCE WITH DIGITAL TRANSFORMATION FOR
SUSTAINABLE DEVELOPMENT IN THE CONTEXT OF GLOBAL CHANGE

KỶ YU HỘI NGHỊ KHOA HỌC ĐỊA LÝ TOÀN QUỐC
LẦN THỨ XIV

The closing of the 14th national conference on geography science
The closing of the 14th national conference on geography science
The closing of the 14th national conference on geography science
The closing of the 14th national conference on geography science
The closing of the 14th national conference on geography science

QUẢN LÝ VÀ PHÁT TRIỂN

Chín mươi chín năm xây dựng

CHUYÊN ĐỀ TỔNG BIÊN TẬP
LÊ THANH THÁ
NGUYỄN ĐỨC GIÀ
HOÀNG BẮC
NGUYỄN ĐĂNG DŨY

ISBN: 978-604-41-3801-5

In 500 cuốn, khổ 19 x 26,5 cm, tại Cty CPKH và CN Hoàng Quốc Việt.
Địa chỉ: 18 Hoàng Quốc Việt - Cầu Giấy - Hà Nội.
Số xác nhận đăng ký xuất bản: 2061-2024/CXBIPH/11-68/TN
Số quyết định xuất bản của GD: 1592/QĐ-NXBTN ngày 20-6-2024.
In xong và nộp lưu chiểu: Quý II năm 2024.